

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 58/2025/HN&GD-ST

Ngày: 20-6-2025

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Mến.

2/ Bà Lê Thị Kiều Hương.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Chí Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng – Kiểm sát viên,

Ngày 20 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 91/2025/TLST-HN&GD ngày 14 tháng 3 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2025/QĐXXST-HN&GD ngày 07 tháng 5 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 115/2025/QĐST-HN&GD ngày 22 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm N T, sinh năm 2001;

Nơi cư trú: Tổ 7, thôn Phú Thái, xã Ht, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Như N, sinh năm 2002;

Nơi cư trú: Số 03, đường số 19, thôn 3, xã Mp, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt **nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Anh T và chị N kết hôn vào năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mp, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, anh T và chị N sinh sống cùng nhau hạnh phúc được thời gian đầu. Tuy nhiên, mấy năm trở lại đây anh T và chị N thường xuyên mâu thuẫn và cãi vã. Nguyên nhân theo anh T là do chị N đi theo người con trai khác, bố mẹ chị N có khuyên ngăn nhưng chị N không sửa đổi tính cách. Anh T xác định không

còn tình cảm với chị N, mục đích hôn nhân không được và yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn chị N.

Về con chung: Anh T và chị N có với nhau 01 con chung tên Phạm Nguyễn Minh N, sinh ngày 11/01/2023, sau khi ly hôn, anh T đồng ý giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng và anh T sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định (nếu chị N có yêu cầu).

Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Đối với bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải, giấy triệu tập và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn, tuy nhiên bị đơn không cung cấp ý kiến, tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với bị đơn, không yêu cầu giải quyết tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ.

Bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn, đã thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho anh Phạm N T ly hôn chị Nguyễn Thị Như N.

2. Ghi nhận ý kiến của anh T về việc giao cho chị N quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Phạm Nguyễn Minh N, sinh ngày 11/01/2023.

3. Ghi nhận ý kiến của anh T về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản và nợ chung khi ly hôn.

Buộc anh T phải chịu án phí theo quy định.

(Có bài phát biểu kèm theo)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn Phạm N T khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn Nguyễn Thị Như N, bị đơn có nơi đăng ký thường trú tại thôn 3, xã Mp, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Căn cứ Điều 51, 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là **vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con** thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về tố tụng: Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa (thông qua mẹ ruột của bị đơn) nhưng vắng mặt và không có đơn xin xét xử vắng mặt.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân huyện Đức Linh xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

[3.1] Về hôn nhân: Anh T và chị N tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đi đến hôn nhân vào năm 2022, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mp, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị N được công nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, anh T và chị N sống chung với nhau như vợ chồng được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo lời khai của anh T là do chị N ngoại tình; quá trình hòa giải cũng như tại phiên tòa, anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết ly hôn chị N.

Qua nội dung xác minh đối với bà Mai Thị Hạnh (mẹ ruột của chị N) vào ngày 25/4/2025 thể hiện **trong quá trình chung sống** giữa anh T và chị N có mâu thuẫn với nhau, thực tế anh chị không còn chung sống như vợ chồng.

Từ những phân tích trên cho thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị N đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T đối với chị N.

[3.2] Về con chung: Căn cứ bản sao giấy khai sinh số 22, đăng ký ngày 10/02/2023 tại Ủy ban nhân dân xã Mp, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận thì có cơ sở để khẳng định cháu Phạm Nguyễn Minh N, sinh ngày 11/01/2023 là con chung của anh Phạm N T và chị Nguyễn Thị Như N.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh T đồng ý giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng; Tòa án chưa ghi nhận được ý kiến của chị N về vấn đề nuôi con chung, tuy nhiên tại biên bản xác minh lập ngày 25/4/2025 thể hiện cháu Minh N đang sinh sống cùng gia đình của chị N.

Tại thời điểm giải quyết ly hôn thì cháu Minh N dưới 36 tháng tuổi; hiện tại cháu Minh N đang sinh sống ổn định cùng gia đình của chị N, do đó việc thay đổi môi trường sống ít nhiều sẽ làm ảnh hưởng đến cháu N; sau khi xem xét quyền lợi về mọi mặt của cháu N, Hội đồng xét xử quyết định giao cho chị N quyền, nghĩa

vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là phù hợp với quy định tại khoản Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án chưa ghi nhận được ý kiến của chị N về việc yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Tuy nhiên, vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

[3.4] Về tài sản chung và nợ: Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của đương sự về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tại phiên tòa phù hợp với những nhận định nêu trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; các Điều 143, 144, 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 9, 51, 56, 57, 81, 82, 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **anh Phạm N T**.

1. Về hôn nhân: Anh Phạm N T ly hôn chị Nguyễn Thị Như N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 118, đăng ký ngày 15/11/2022 tại Ủy ban nhân dân xã Mp, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận giữa chị Nguyễn Thị Như N và anh Phạm N T hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Như N quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Phạm Nguyễn Minh N, sinh ngày 11/01/2023.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp lạm dụng việc thực hiện quyền này để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Điều 86 Luật hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chưa thành niên của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Ghi nhận ý kiến tự nguyện của các đương sự về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản, nợ trong vụ án này.

4. Về án phí: Anh Phạm N T phải nộp số tiền 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận theo biên lai thu số 0005277 ngày 14/3/2025. **Anh Phạm N T đã nộp đủ tiền án phí.**

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đức Linh;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh;
- UBND xã Mp;
- UBND xã Ht, Hàm Thuận Bắc;
- Lưu hồ sơ vụ án, tập án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Thuận